

Số: 22 /2020/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định việc bố trí số lượng cán bộ, công chức xã,
phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân và Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1545/TTr-SNV ngày 16 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định việc bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức công tác tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 2. Bố trí cán bộ, công chức cấp xã

Số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP như sau:

1. Cán bộ cấp xã (bao gồm các trường hợp được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã)

a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 11 cán bộ, cấp xã loại 2 và loại 3 được bố trí tối đa 10 cán bộ, cụ thể:

STT	Chức vụ, chức danh	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2 và loại 3
1	Bí thư Đảng ủy	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	1
3	Phó Chủ tịch HĐND	1	1
4	Chủ tịch UBND	1	1
5	Phó Chủ tịch UBND	2	1
6	Chủ tịch Ủy ban MTTQ	1	1
7	Chủ tịch Hội Nông dân	1	1
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1
9	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1
10	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1

b) Đối với chức vụ Chủ tịch HĐND do Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.

c) Đối với chức vụ Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 2 bố trí theo điểm a khoản 1 Điều này đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 thì bố trí 02 Phó Chủ tịch theo quy định tại Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP.

2. Công chức cấp xã (bao gồm các trường hợp được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã)

Cấp xã loại 1 bố trí tối đa 12 công chức, cấp xã loại 2 bố trí tối đa 10 công chức, cấp xã loại 3 bố trí tối đa 09 công chức. Đối với cấp xã đã bố trí công an chính quy đảm nhận chức danh Trưởng Công an thì giảm số lượng công chức ở chức danh này, cụ thể:

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Trưởng Công an	1	1	1
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1
3	Văn phòng - thống kê	2	2	2
4	Địa chính - xây dựng	3	2	2
5	Tài chính - kế toán	1	1	1
6	Tư pháp - hộ tịch	2	2	1
7	Văn hóa - xã hội	2	1	1

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo số lượng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Những trường hợp dôi dư thì giải quyết chế độ theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nguyên tắc sắp xếp, bố trí:

a) Đảm bảo đúng số lượng, chức danh và tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

b) Đảm bảo các lĩnh vực công tác, các nhiệm vụ của cấp ủy, đoàn thể chính trị và chính quyền cấp xã đều có người đảm nhiệm.

c) Việc sắp xếp, bố trí cần thực hiện theo hướng ưu tiên đối với số cán bộ, công chức hiện có tại địa phương.

d) Căn cứ số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao theo Quyết định này, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí chức danh công chức.

Điều 3. Kiêm nhiệm chức danh

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người so với số lượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định này thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, SNV (25b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
31.07.2020
16:19:37
+07:00

Nguyễn Ngọc Hai